

STT	Tên đơn vị	Tổng số trường	Trong đó		Trong đó								Tổng số học sinh	Trong đó		Trong đó						Tỷ lệ % số		Trong đó								Ghi chú			
			Công lập	Ngoài công lập	Mầm non Công lập	Ngoài công lập	Tiểu học Công lập	Ngoài công lập	THCS Công lập	Ngoài công lập	THPT Công lập	Ngoài công lập		Mầm non Công lập	Ngoài công lập	Tiểu học Công lập	Ngoài công lập	THCS Công lập	Ngoài công lập	THPT Công lập	Ngoài công lập	Tỷ lệ % số trường NCL so	Tỷ lệ % số học sinh NCL so	Tỷ lệ % trường	Tỷ lệ % số học sinh	Mầm non số	Tỷ lệ % số học sinh	Tiểu học số	Tỷ lệ % số học sinh	THCS % số	Tỷ lệ % học		THPT số	Tỷ lệ % số học sinh	
I	KHỎI CÁC PHÒNG GD&ĐT																																		
1	Thành phố Kon Tum																																		
2	Huyện Đắk Hà																																		có HS TTGDN N-GDTX huyện
3	Huyện Đắk Tô																																		có HS TTGDN N-GDTX huyện
4	Huyện Đắk Glei																																		có HS TTGDN N-GDTX huyện
5	Huyện Ngọc Hồi																																		có HS TTGDN N-GDTX huyện
6	Huyện Tu Mơ Rông																																		có HS TTGDN N-GDTX huyện
7	Huyện Sa Thầy																																		có HS TTGDN N-GDTX huyện
8	Huyện Ia H'Drai																																		
9	Huyện Kon Rẫy																																		có HS TTGDN N-GDTX huyện
10	Huyện Kon Plong																																		
II	KHỎI TRỰC THUỘC SỞ GD&ĐT																																		
1	Các trường trực thuộc Sở GD&ĐT																																		
TỔNG CỘNG (I-II)																																			

TỔNG HỢP CÁC TRUNG TÂM TƯ THỰC NĂM HỌC 20...-20...

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Số lao động				Ghi chú
			Tổng số	Quản lý	Giáo viên	Nhân viên	
I	TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ TƯ THỰC		-	-	-	-	
II	TRUNG TÂM TƯ VẤN TUYỂN SINH		-	-	-	-	
III	TRUNG TÂM		-	-	-	-	
TỔNG CỘNG (I+II+III)			-	-	-	-	

TỔNG KINH PHÍ HUY ĐỘNG NGUỒN VỐN CHI CHO GIÁO DỤC NĂM 20...

DVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Đơn vị tính	Kinh phí		Ghi chú
			Thực hiện năm 20...	Kế hoạch năm 20...	
I	Ngân sách nhà nước				
1	Chi đầu tư phát triển	Triệu đồng			
-	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm Chương trình mục tiêu quốc gia)	Triệu đồng			
-	Chi đầu tư phát triển cho các Chương trình mục tiêu quốc gia	Triệu đồng			
2	Chi thường xuyên sự nghiệp GD, ĐT	Triệu đồng			
-	Chi lương và các khoản đóng góp theo lương	Triệu đồng			
-	Chi mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học	Triệu đồng			
-	Chi cải tạo sửa chữa, chống xuống cấp các hạng mục	Triệu đồng			
-	Các khoản chi khác	Triệu đồng			
3	Chi thực hiện chính sách GD theo quy định	Triệu đồng			
-	Chính sách cấp bù học phí theo ND86/2015/NĐ-CP và ND81/2021/NĐ-CP	Triệu đồng			
-	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo ND86/2015/NĐ-CP và ND81/2021/NĐ-CP	Triệu đồng			
-	Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo, chính sách đối với giáo viên mầm non theo Nghị định số 105....	Triệu đồng			
-	Chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP	Triệu đồng			
-	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Quyết định 66/QĐ-TTg	Triệu đồng			
-	Chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở theo ND116/NĐ-CP	Triệu đồng			
-	Chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật theo TT42/2013/TTLT	Triệu đồng			
-		Triệu đồng			
4	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia, các đề án, dự án của ngành (chi tiết theo từng ĐA, CT, DA...,trong đó chi tiết KP thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT 2018)	Triệu đồng			
		Triệu đồng			
5	Chi khác, dự án ODA (phần đối ứng của địa phương nếu có)	Triệu đồng			
		Triệu đồng			
II	Nguồn huy động xã hội hóa				
1	Thu Học phí	Triệu đồng			
2	Thu từ tổ chức các hoạt động dịch vụ trong các cơ sở giáo dục	Triệu đồng			
3	Thu từ tài trợ, viện trợ	Triệu đồng			
4	Thu từ huy động khác	Triệu đồng			
-	Nhân dân tự nguyện hiến đất xây dựng trường học (m2)	Triệu đồng			Các nội dung huy động quy đổi thành tiền như: Đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công sức phụ huynh học sinh, thực phẩm tài trợ,.... (Ví dụ: huy
-	Huy động, đóng góp xây dựng các trường tư thục	Triệu đồng			
-	Huy động, đóng góp XHH GD mầm non	Triệu đồng			
-	Huy động, đóng góp Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia	Triệu đồng			
-	Huy động, đóng góp cho trường tổ chức bán trú ở vùng khó khăn	Triệu đồng			
-	Huy động, đóng góp cho trường Dân tộc nội trú	Triệu đồng			
-	Huy động, đóng góp làm một số hạng mục phụ trợ cho các trường	Triệu đồng			
-	Huy động, đóng góp hỗ trợ cho học sinh nghèo vượt khó	Triệu đồng			
-	Huy động, đóng góp khác (ghi cụ thể nội dung huy động)	Triệu đồng			
	TỔNG CỘNG				
	Tỷ trọng nguồn NSNN (%)				
	Tỷ trọng nguồn XHH (%)				

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH GIAO QUYỀN TỰ CHỦ TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP

TT	Tên đơn vị	Phân loại đơn vị tự chủ				Ghi chú
		Số đơn vị được giao quyền tự chủ	Trong đó:			
			Đơn vị tự đảm bảo	Đơn vị tự đảm bảo	Đơn vị do	
A	B	1	2	3	4	5
I	KHỐI HUYỆN					
1	Thành phố Kon Tum					
2	Huyện Đăk Hà					
3	Huyện Đăk Tô					
4	Huyện Đăk Glei					
5	Huyện Ngọc Hồi					
6	Huyện Tu Mơ Rông					
7	Huyện Sa Thầy					
8	Huyện Ia Hdrai					
9	Huyện Kon Rẫy					
10	Huyện Kon Plông					
I	KHỐI TỈNH					
1	Sở Giáo dục và Đào tạo					
	TỔNG CỘNG					